

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Hòa - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ - ST
Ngày 24-4-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thuận

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST - HNGĐ ngày 27/3/2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 09/TB - TA ngày 12/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quang Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn U, xã P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn U, xã P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2023, bản tự khai ngày 31/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quang Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Ngọc L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường

đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Anh L không quan tâm đến vợ con, không cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Ngọc L.

- Về con chung: Chị và anh L có 2 con chung là Đỗ Ngọc L1, sinh ngày 26/7/2009 và Đỗ Ngọc Quang L2, sinh ngày 26/8/2012. Hiện nay 2 con đang ở với chị H. Khi ly hôn chị xin được nuôi 2 con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Đỗ Ngọc L:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Đỗ Ngọc L. Nhưng trong thời hạn quy định anh L không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

* *Tại Biên bản xác minh ngày 14 tháng 3 năm 2024, bà Vũ Thị S - mẹ đẻ của anh Đỗ Ngọc L trình bày:* Anh Đỗ Ngọc L là con trai của bà, có hộ khẩu thường trú tại thôn U, xã P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Chị Quang Thị H và anh Đỗ Ngọc L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh L và chị H chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H ghen tuông, nghi ngờ anh L có quan hệ ngoại tình. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Cách đây vài năm anh L có làm đơn ly hôn nhưng sau đó lại không gửi lên Tòa án.

Hiện nay anh L đang đi làm ăn trong miền Nam, thường xuyên liên lạc điện thoại với bà còn địa chỉ cụ thể bà không biết. Gia đình bà đã nhận được văn bản của Tòa án gửi cho anh L. Sau khi nhận thay bà đã thông báo ngay lại cho anh L biết. Quan điểm của anh L trao đổi lại với bà như sau: Về hôn nhân: Anh L không muốn ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh L và chị H có 2 con chung là Đỗ Ngọc L1, sinh ngày 26/7/2009 và Đỗ Ngọc Quang L2, sinh ngày 26/8/2012. Hiện nay chị H và 2 con đang ở cùng ông bà nội. Quan điểm của anh L nếu phải ly hôn anh xin được nuôi 2 con. Về tài sản và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng tiếp theo của Tòa án bà sẽ thông báo ngay lại cho anh L biết.

* *Tại phiên tòa:* Chị Quang Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện,

đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Ngọc L. Về con chung: Hiện nay chị làm công nhân có thu nhập trung bình từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay 2 con ở với chị, Chị cam đoan có đủ điều kiện 2 nuôi con nên nguyện vọng của chị xin được nuôi cả 2 con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng. Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị H và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/8/2009, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh L.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 con là Đỗ Ngọc L1, sinh ngày 26/7/2009 và Đỗ Ngọc Quang L2, sinh ngày 26/8/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Đỗ Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại thôn U, xã P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Quang Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Đỗ Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh L là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Quang Thị H và anh Đỗ Ngọc L dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt, không có biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh L.

[2. 2]. Về con chung: Chị H và anh L có 2 con chung là Đỗ Ngọc L1, sinh ngày 26/7/2009 và Đỗ Ngọc Quang L2, sinh ngày 26/8/2012. Hiện nay 2 con đang ở với chị H. Chị H làm công nhân, có thu nhập, chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên chị có nguyện vọng xin được nuôi 2 con. Cháu Đỗ Ngọc L1 và Đỗ Ngọc Quang L2 đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Về phía anh L hiện nay đi làm ăn ở miền Nam, chưa có điều kiện trực tiếp nuôi

con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 2 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Quang Thị H được ly hôn anh Đỗ Ngọc L.

2. Về con chung: Giao 2 con chung là Đỗ Ngọc L1, sinh ngày 26/7/2009 và Đỗ Ngọc Quang L2, sinh ngày 26/8/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Đỗ Ngọc L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Quang Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0002922 ngày 17/01/2024. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đỗ Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã P;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

